ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

PHỤ LỤC

DANH SÁCH TIẾP NHẬN VIÊN CHỨC, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀO LÀM CÔNG CHỨC

(Kèm theo Quyết định số: 900/QĐ-UBND ngày 20 /5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tuyển dụng	Chức danh, cơ quan hiện đang công tác	Ngạch bậc lương hiện hưởng	Vị trí việc, đơn vị tiếp nhận	Ngạch bậc lương đề nghị bổ nhiệm khi tiếp nhận vào công chức	Ghi chú
I	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**							
1	Nguyễn Hồng Hạnh	29/11/1986	01/01/2010	Viên chức, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lạng Sơn	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 5, hệ số 3,66, thời điểm nâng bậc lương lần sau 01/7/2022	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh;	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 5, hệ số 3,66, thời điểm NBL lần sau 01/7/2022	
2	Triệu Huy Cường	05/8/1987	01/01/2018	Phó trưởng phòng Quản lý bảo trì giao thông - Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông, Sở Giao thông vận tải Lạng Sơn	Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07, bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm nâng bậc lương lần sau 01/01/2022.	Chuyên viên về quản lý đấu thầu, Phòng Quản lý đầu tư công	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/01/2022.	
II	**Sở Công Thương**							
3	Nguyễn Mạnh Đạt	13/4/1980	15/10/2007	Viên chức, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lạng Sơn	Kỹ sư hạng III, V.05.02.07, bậc 6, hệ số 3,99, thời điểm nâng bậc lương lần sau 01/8/2021	Chuyên viên Quản lý về năng lượng, Phòng Quản lý về năng lượng	Chuyên viên, mã số 01.003 bậc 6, hệ số 3,99, thời điểm NBL lần sau 01/8/2021	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tuyển dụng	Chức danh, cơ quan hiện đang công tác	Ngạch bậc lương hiện hưởng	Vị trí việc, đơn vị tiếp nhận	Ngạch bậc lương đề nghị bổ nhiệm khi tiếp nhận vào công chức	Ghi chú
III	**Sở Tài nguyên và Môi trường (01)**							
4	Lưu Ngọc Sơn	06/6/1979	15/8/2013	Viên chức, Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	Kỹ sư hạng III, V.05.02.07, bậc 4, hệ số 3,33,thời điểm nâng bậc lương lần sau 01/12/2021	Chuyên viên về khoáng sản, Phòng Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/12/2021	
IV	**Sở Nông nghiệp và PTNT (03)**							
5	Nguyễn Mạnh Tùng	19-10-1994	05/04/2019	Viên chức, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	Kỹ sư hạng III mã số V.05.02.07, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 01/4/2023	Chuyên viên về quản lý công tác xây dựng các công trình chuyên ngành, Phòng Quản lý xây dựng công trình	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 01/04/2023	
6	Đinh Thị Ngọc Tú	23-12-1990	01-12-2017	Kế toán Trung tâm Khuyến nông	Kế toán viên, mã số 06.031 bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/01/2023.	Kế toán viên, Hạt Kiểm lâm Thành phố Lạng Sơn, Chi cục Kiểm lâm	Kế toán viên, mã số 06.031 bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/01/2023.	
7	Hoàng Thị Thu Trang	11-08-1988	01/01/2016	Người làm việc, Hội Làm Vườn tỉnh	Ngạch kỹ sư, mã số 13.095 bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/8/2022.	Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Bình, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên, mã số 10.226, bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/08/2022	
V	**Hội Văn học nghệ thuật tỉnh**							
8	Lương Thị Ngọc Lan	04/7/1989	01/3/2017	Viên chức, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Đình Lập	Phóng viên hạng III, mã số V.11.02.06, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 01/3/2024	Chuyên viên Biên tập Sưu tầm, nghiên cứu, trao đổi, Lý luận phê bình văn học nghệ thuật, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 01/3/2024	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tuyển dụng	Chức danh, cơ quan hiện đang công tác	Ngạch bậc lương hiện hưởng	Vị trí việc, đơn vị tiếp nhận	Ngạch bậc lương đề nghị bổ nhiệm khi tiếp nhận vào công chức	Ghi chú
VI	**UBND huyện Chi Lăng (01)**							
9	Hoàng Thị Quế	09/9/1981	02/11/2010	Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Chi Lăng.	Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp, mã số V.10.10.36, bậc 9, hệ số 3,46, thời điểm NBL lần sau 01/4/2023	Cán sự quản lý Hội, Hội Chữ thập đỏ huyện	Cán sự, mã số 01.004, bậc 6, hệ số 3,65, thời điểm NBL lần sau 01/4/2023	
VII	**UBND huyện Đình Lập**							
10	Trần Anh Tuấn	27/9/1994	01/01/2018	Viên chức, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07; bậc 2, hệ số 2,67, thời điểm NBL lần sau 01/01/2022	Chuyên viên Quản lý Quy hoạch xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 2 hệ số 2,67, thời điểm NBL lần sau 01/01/2022	
11	Trần Quang Duy	29/12/1992	01/01/2018	Công chức Tài chính - Kế toán, UBND xã Đình Lập, huyện Đình Lập	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 2, hệ số 2,67, thời điểm NBL lần sau 01/01/2022	Chuyên viên về Quản lý tài chính, ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 2, hệ số 2,67, thời điểm NBL lần sau 01/01/2022	
12	Hoàng Thị Thúy	15/6/1991	01/02/2017	Công chức Tư pháp - Hộ tịch, UBND thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 01/8/2023	Chuyên viên về Kiểm soát Thủ thục hành chính, Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 01/8/2023	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tuyển dụng	Chức danh, cơ quan hiện đang công tác	Ngạch bậc lương hiện hưởng	Vị trí việc, đơn vị tiếp nhận	Ngạch bậc lương đề nghị bổ nhiệm khi tiếp nhận vào công chức	Ghi chú
VIII	**UBND huyện Bình Gia**							
13	Hoàng Văn Năm	29/5/1991	01/02/2015	Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã Hưng Đạo, huyện Bình Gia	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,0, thời điểm NBL lần sau 01/5/2022	Chuyên viên về Quản lý thông tin lãnh đạo, Văn phòng HĐND và UBND huyện	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,0, thời điểm NBL lần sau 01/5/2022	
14	Lý Thị Chanh	18/3/1990	05/10/2017	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện Bình Gia	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 05/4/2024	Chuyên viên về phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 3, hệ số 3,00, thời điểm NBL lần sau 05/4/2024	
IX	**UBND huyện Hữu Lũng**							
15	Hoàng Thị Thu Đông	16/12/1990	01/12/2017	Công chức Văn phòng - Thống kê xã Thiện Tân	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 2, hệ số 2,67, thời điểm NBL lần sau 01/12/2021	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng HĐND& UBND huyện	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 2, hệ số 2,67, thời điểm NBL lần sau 01/12/2021	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tuyển dụng	Chức danh, cơ quan hiện đang công tác	Ngạch bậc lương hiện hưởng	Vị trí việc, đơn vị tiếp nhận	Ngạch bậc lương đề nghị bổ nhiệm khi tiếp nhận vào công chức	Ghi chú
16	Vi Văn Lập	14/01/1982	05/6/2013	Viên chức, Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Hữu Lũng	Công nghệ thông tin hạng III, mã ngạch V.11.06.14, bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/12/2022.	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin, Phòng Văn hóa và Thông tin	Chuyên viên, mã số 01.003, bậc 4, hệ số 3,33, thời điểm NBL lần sau 01/12/2022.	

Danh sách này gồm 16 người./.